|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN PHÚ NHUẬN  **TRƯỜNG** |  |

**BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ THEO BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ**

**CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON**

(theo Quyết định số 271/QĐ-SGDĐT ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh)

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí** | **Điểm tối đa** | **Điểm thành phần** | **Hướng dẫn** | | **Tự đánh giá** | **Đánh giá, minh chứng** |
| **1** | **Chuyển đổi số trong dạy, học** |  |  | **Điểm đánh giá** | **Nội dung đánh giá, minh chứng** |  |  |
| 1.1. | Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm) |  |  | Nếu không đạt điều kiện bắt buộc không có điểm mục 1. | Điều kiện bắt buộc. Ghi đánh giá: Đạt hoặc Không Đạt |  |  |
| 1.2. | Có triển khai phòng học, đồ dùng dạy học thông minh; |  |  |  | Tên giải pháp. Đạt: có triển khai.  Chưa đạt: chưa triển khai |  |  |
| Cha mẹ trẻ tham gia vào các hoạt động giáo dục. |  |  |  | Lượt tương tác của Phụ huynh học sinh. Đạt: triển khai hiệu quả. Chưa đạt: chưa triển khai |  |  |
| Vận dụng đa dạng các phần mềm trong tổ chức hoạt động. |  |  |  | Tên phần mềm. Đạt: có triển khai. Chưa đạt: chưa triển khai |  |  |
| 1.3. | Số hóa hồ sơ, triển khai kho học liệu số |  |  |  | Số lượng clip xây dựng kho học liệu được phê duyệt. Đạt/ Chưa đạt. |  |  |
| **2** | **Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục** | **100** |  |  |  |  |  |
| 2.1. | Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại) |  |  | Nếu không đạt điều kiện bắt buộc không có điểm mục 2. | Điều kiện bắt buộc.  Quyết định/Kế hoạch.  Ghi đánh giá: Đạt hoặc Không Đạt |  |  |
| 2.2. | Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số |  |  | Nếu không đạt điều kiện bắt buộc không có điểm mục 2. | Điều kiện bắt buộc.  Quyết định/Kế hoạch. |  |  |
| 2.3. | Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường với đầy đủ các phân hệ và có kết nối với CSDL ngành:  + Phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập).  + Phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV.  + Phân hệ quản lý cơ sở vật chất.  + Phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh.  + Phân hệ cổng thông tin điện tử.  + Sổ điểm điện tử, học bạ điện tử. | 70 | 60 | - Phần mềm sử dụng các phân hệ riêng lẻ, không kết nối với nhau (40 điểm).  - Phần mềm có kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu giữa các phân hệ với nhau (60 điểm).  \* Thiếu 1 phân hệ trừ 10 điểm (10 điểm). | Quy chế, văn bản, kế hoạch  Tên đơn vị cung cấp hệ thống, phân hệ .  Đạt: >=4 điểm  Chưa đạt: <4 điểm |  |  |
| Có kế hoạch sử dụng ngân sách phục vụ công tác chuyển đổi số của đơn vị. | 10 |  | Quyết định/Kế hoạch. Đạt: có.  Chưa đạt: chưa có. |  |  |
| 2.4. | Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến:  - Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web). | 30 | 8 |  | Đường link, quy chế, văn bản hướng dẫn.  Đạt: có triển khai.  Chưa đạt: chưa triển khai |  |  |
| - Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến. | 12 |  |  |
| - Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt. | 10 |  |  |
| **Tổng điểm** | | | | |  | **0** |  |

**Lưu ý:** Phần Ghi chú, minh chứng: Các trường ghi cụ thể minh chứng; nội dung đã thực hiện; số kế hoạch, công văn, quyết định, báo cáo đã ban hành.

|  |  |
| --- | --- |
|  | Phú Nhuận, ngày tháng năm 2023 |
|  | **HIỆU TRƯỞNG** |
|  | (Ký và ghi rõ họ và tên) |